

ĐA DẠNG VÀ PHÂN BỐ HỌ CÀ PHÊ (Rubiaceae) Ở VƯỜN QUỐC GIA CÔN ĐẢO

Trần Bảo Quyên¹, Nguyễn Quốc Bảo^{2,4}, Trương Bá Vương^{2,4}, Lê Hồng Sơn³,
Nguyễn Văn Ngà³, Trần Đình Huệ³, Đặng Văn Sơn^{2,4*}

Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

²*Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

³*VQG Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*

⁴*Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

TÓM TẮT

Từ kết quả phân tích mẫu tiêu bản thu được từ năm 2021 - 2022, kết quả nghiên cứu đa dạng và phân bố họ Cà phê (Rubiaceae) ở VQG Côn Đảo đã xác định 73 loài thuộc 33 chi. Trong đó, có 6 loài bổ sung cho họ Cà phê và hệ thực vật Côn Đảo, bao gồm: Chim trích (*Benkara depauperata*), Găng biên hòa (*Benkara hoaensis*), Găng (*Benkara scandens*), Lầu bò (*Psychotria serpens*), Xú hương lam (*Lasianthus hirsutus*) và An điền lan (*Oldenlandia diffusa*). Về giá trị tài nguyên, kết quả đã ghi nhận được họ Cà phê có 4 loài cho gỗ, 30 loài có giá trị làm thuốc, và 2 loài là Chim chích (*Benkara depauperata*) và Xương cá (*Psydrax dicoccos*) có giá trị bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam (2007). Dạng sống của các loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) được chia thành 5 nhóm chính, gồm: cây chồi trên nhỏ (Mi) với 46 loài; cây chồi trên vừa (Me) với 10 loài; cây thân thảo (Hp) với 10 loài, dây leo (Lp) và cây chồi trên to (Mg) với lần lượt là 4 và 3 loài. Các loài thuộc họ Cà phê phân bố rộng trong tự nhiên, trải dài ở các độ cao từ 2 - 577 m so với mặt nước biển trong các kiểu sinh cảnh rừng khác nhau, trong đó, kiểu rừng trên vùng núi thấp có nhiều loài nhất (52 loài) và ít nhất là kiểu rừng ngập mặn (1 loài).

Từ khóa: Đa dạng họ Cà phê (Rubiaceae), Côn Đảo, phân bố, thực vật

Diversity and distribution of rubiaceae in Con Dao National Park

Based on the specimens from 2021 - 2022, a study on the diversity and distribution of Rubiaceae in Con Dao National Park in Ba Ria - Vung Tau province was defined and identified 73 species and 33 genera. Among them, 6 species have been added to Con Dao National Park, including *Benkara depauperata*, *Benkara hoaensis*, *Benkara scandens*, *Psychotria serpens*, *Lasianthus hirsutus* and *Oldenlandia diffusa*. For plant resources, 5 species were used for wood; 22 species were used for medicinal herbs; and 2 species *Benkara depauperata* and *Psydrax dicoccos* were listed for conversation in Vietnam Red Data Book, Park II, Plants (2007). The life forms of Rubiaceae were divided into five groups, such as microphanerophytes with 46 species, mesophanerophytes with 10 species, herbaces phanerophytes with 10 species, lianophanerophytes with 4 species and magaphanerophytes with 3 species. All species of Rubiaceae are widely distributed from 2 m to 577 m altitude in various habitats, and it is most abundant in lowland forest (52 species) and least in mangrove forest (1 species).

Keywords: Diversity of Rubiaceae, Con Dao, distribution, plant

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc gia (VQG) Côn Đảo trực thuộc huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/3/1993 của Thủ tướng Chính phủ. VQG Côn Đảo thuộc quần đảo Côn Sơn nằm ngoài khơi bờ biển Đông Nam Việt Nam với tọa độ địa lý từ 8°34' đến 8°49' vĩ Bắc và 106°31' đến 106°45' kinh Đông; cách Bà Rịa - Vũng Tàu 180 km, cách khu vực đất liền của Đồng bằng sông Cửu Long khoảng 80 km và cách Thành phố Hồ Chí Minh 230 km (Lê Xuân Ái và Trần Đình Huệ 2013). VQG Côn Đảo gồm 14 đảo với tổng diện tích là 19.990,7 ha, đảo lớn nhất là đảo Côn Sơn với diện tích 5.700 ha, 13 đảo nhỏ còn lại nằm cách đảo Côn Sơn từ 1 đến 15 km theo đường biển. Với địa hình đồi núi thấp, sườn dốc, hình cánh cung ôm lấy Vịnh Côn Sơn, kéo dài theo phương Đông Bắc - Tây Nam và Tây Bắc - Đông Nam cùng với điều kiện khí hậu thuận lợi giúp nơi đây có nhiều hệ sinh thái vô cùng đa dạng và phong phú như: Sinh cảnh rừng trên vùng đồi núi thấp, sinh cảnh rừng trên đồi cát và bãi cát ven biển, sinh cảnh rừng sát (ngập mặn) và sinh cảnh rừng ngập nước phèn (hậu rừng sát). Qua kết quả nghiên cứu của Nguyễn Chí Thành và đồng tác giả (2004) và được cập nhật bởi Lê Xuân Ái và Trần Đình Huệ (2013), hệ thực vật rừng ở VQG Côn Đảo đã ghi nhận được 1.077 loài thuộc 640 chi của 160 họ thực vật bậc cao có mạch. Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có 116 họ, 502 chi và 858 loài, chiếm 80% tổng số loài; đặc biệt họ Cà phê (Rubiaceae) là một họ lớn ở VQG Côn Đảo với 68 loài đã được ghi nhận, trong đó có nhiều loài không chỉ có giá trị khoa học mà còn có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, họ này chưa được nghiên cứu chuyên sâu và đánh giá một cách toàn diện về sự đa dạng loài cùng với những giá trị tiềm năng của chúng. Vì vậy, điều tra, cập nhật tính đa dạng loài cũng như danh pháp các loài trong họ Cà phê là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần

vào công tác bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên cho VQG nói riêng và khu vực phía Nam Việt Nam nói chung là hết sức cần thiết.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) phân bố tự nhiên tại VQG Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành điều tra và thu mẫu các loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) theo các tuyến thông qua các sinh cảnh khác nhau, thời gian điều tra được thực hiện qua 4 đợt, mỗi đợt từ 7 - 10 ngày (vào tháng 12/2021 và tháng 1, 3, 5/2022). Mẫu vật được thu thập trong quá trình điều tra, xử lý theo phương pháp nghiên cứu thực vật của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), chụp ảnh ngoài thực địa và kèm theo lý lịch mẫu.

Xác định tên khoa học các loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) theo phương pháp hình thái so sánh trên cơ sở các tài liệu chuyên ngành đã công bố như: Phạm Hoàng Hộ (2000), Christian Puff (2005), Chen Tao và đồng tác giả (2011),... Đồng thời việc xác định tên khoa học còn sử dụng phương pháp chuyên gia như đối chiếu, so mẫu vật với bộ mẫu chuẩn được lưu trữ ở các bảo tàng thực vật trong nước và trên thế giới như: Phòng bảo tàng Viện Sinh học nhiệt đới (VNM), Phòng tiêu bản Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ (HN), Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam (VNMN), Bảo tàng lịch sử tự nhiên quốc gia Pháp (P), Vườn thực vật Hoàng gia KEW (K).

Dạng sống của các loài thuộc họ Cà phê được xác định theo phương pháp đánh giá dạng sống của Raunkiaer (1934), Phạm Hoàng Hộ (2000), Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên, 2005) và Nguyễn Nghĩa Thìn (2001, 2007), và đồng

thời được chỉnh sửa cho phù hợp với điều kiện nghiên cứu ở Việt Nam.

Đánh giá về giá trị sử dụng các loài thuộc họ Cà phê theo phương pháp phỏng vấn có sự tham gia (PRA), đồng thời tham khảo các tài liệu đã công bố của Đỗ Tất Lợi (2009), Võ Văn Chi (2012). Đánh giá mức độ nguy cấp và tình trạng bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật (2007).

Số liệu điều tra các loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel version 2016. Cập nhật danh pháp thực vật theo The Plant List (2022) và World Checklist of Selected Plant Families (WCSP, 2022)

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng thành phần loài của họ Cà phê (Rubiaceae) ở VQG Côn Đảo

Từ kết quả điều tra thực địa kết hợp với các số liệu phân tích trong phòng thí nghiệm, đã xác định được họ Cà phê (Rubiaceae) ở VQG Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 73 loài thuộc 33 chi (bảng 1). Trong đó, bổ sung cho VQG 6 loài gồm: Chim trích (*Benkara depauperata*), Găng biên hòa (*Benkara hoaensis*), Găng (*Benkara scandens*), Lầu bò (*Psychotria serpens*), Xú hương lam (*Lasianthus hirsutus*) và An điền lan (*Oldenlandia diffusa*).

Bảng 1. Danh lục các loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) ở VQG Côn Đảo.

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	Công dụng
1	<i>Adina pilulifera</i> (Lam.) Franch. ex Drake	Thủ viên	Mi	T
2	<i>Aidia cochinchinensis</i> Lour.	Găng nam bộ	Me	T
3	<i>Aidia oxyodonta</i> (Drake) T.Yamaz.	Đài khoai, Găng răng nhọn	Me	G
4	<i>Benkara armigera</i> (K.Schum.) Ridsdale*	Găng lông	Mi	
5	<i>Benkara depauperata</i> (Drake) Ridsdale*	Chim trích	Mi	BT
6	<i>Benkara hoaensis</i> (Pierre ex Pit.) Ridsdale*	Găng biên hòa	Mi	
7	<i>Benkara scandens</i> (Thunb.) Ridsdale*	Găng	Mi	
8	<i>Canthium glabrum</i> Blume*	Căng nam bộ	Me	
9	<i>Canthium horridum</i> Blume	Căng gai	Mi	T
10	<i>Catunaregam spinosa</i> (Thunb.) Tirveng.*	Găng gai	Mi	T
11	<i>Catunaregam tomentosa</i> (Blume ex DC.) Tirveng.*	Găng nhung	Mi	T
12	<i>Damnacanthus indicus</i> C.F.Gaertn.*	Hung rô ấn	Mi	
13	<i>Dentella repens</i> (L.) J.R.Forst. & G.Forst.	Ren	Hp	
14	<i>Gaertnera junghuhniana</i> Miq.*	Gạt bao	Mi	
15	<i>Gardenia angkorensis</i> Pit.	Dành dành angkor	Mi	
16	<i>Gardenia annamensis</i> Pit.	Dành dành trung bộ	Mi	
17	<i>Gardenia jasminoides</i> J.Ellis*	Dành dành	Mi	T
18	<i>Geophila repens</i> (L.) I.M.Johnst.	Địa hấu bò	Hp	
19	<i>Guettarda speciosa</i> L.*	Lâm bông	Me	T
20	<i>Haldina cordifolia</i> (Roxb.) Ridsdale	Gáo tròn	Mg	G
21	<i>Hymenodictyon orixense</i> (Roxb.) Mabb.	Mặc vông	Me	T
22	<i>Hypobathrum racemosum</i> (Roxb.) Kurz	Súra	Mi	T
23	<i>Ixora chinensis</i> Lam.*	Trang đỏ	Mi	T

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	Công dụng
24	<i>Ixora cuneifolia</i> Roxb.*	Trang hường	Mi	T
25	<i>Ixora delpyana</i> Pierre ex Pit.	Trang delpy	Mi	
26	<i>Ixora finlaysoniana</i> Wall. ex G.Don*	Trang trắng	Mi	
27	<i>Ixora laotica</i> Pit.	Trang Lào	Mi	T
28	<i>Ixora umbellata</i> var. <i>multibracteata</i> (H.Pearson ex King & Gamble) Corner	Trang nhiều lá hoa	Mi	
29	<i>Lasianthus attenuatus</i> Jack*	Xú hương	Mi	T
30	<i>Lasianthus curtisii</i> King & Gamble*	Xú hương côn sơn	Mi	
31	<i>Lasianthus hirsutus</i> (Roxb.) Merr.	Xú hương lam	Mi	
32	<i>Lasianthus pierrei</i> Pit.*	Xú hương pierre	Mi	
33	<i>Lasianthus trichophlebus</i> Hemsl. ex F.B.Forbes & Hemsl.*	Xú hương ten đồng	Mi	
34	<i>Morinda citrifolia</i> L.*	Nhàu	Me	T
35	<i>Morinda cochinchinensis</i> DC.	Nhàu nam bộ	Mi	T
36	<i>Morinda pandurifolia</i> Kuntze*	Nhàu nước	Mi	T
37	<i>Morinda parvifolia</i> Bartl. ex DC.*	Nhàu lá nhỏ	Mi	T
38	<i>Mussaenda cambodiana</i> Pierre ex Pit.	Bướm bạc cam bột	Mi	T
39	<i>Mussaenda frondosa</i> L.	Bướm bạc lá	Mi	T
40	<i>Mussaenda thorelii</i> Pit.	Bướm bạc thorel	Mi	
41	<i>Nauclea orientalis</i> (L.) L.	Gáo vàng, Cốc độ	Mg	G
42	<i>Neolamarckia cadamba</i> (Roxb.) Bosser	Gáo trắng, Cà tôm	Mg	G
43	<i>Oldenlandia chereevensis</i> Pierre ex Pit.*	An điền cheo reo	Hp	
44	<i>Oldenlandia diffusa</i> (Willd.) Roxb.	An điền lan	Hp	T
45	<i>Oldenlandia herbacea</i> (L.) Roxb.*	An điền cỏ	Hp	T
46	<i>Oldenlandia multiglomerulata</i> Pit.*	An điền nhiều chùm	Hp	
47	<i>Oldenlandia ovatifolia</i> (Cav.) DC.*	An điền lá xoan	Hp	
48	<i>Oldenlandia vestita</i> (R.Br. ex G.Don) Drake.*	An điền áo	Hp	
49	<i>Ophiorrhiza rugosa</i> var. <i>prostrata</i> (D.Don) Deb & Mondal*	Xà căn côn sơn	Hp	
50	<i>Ophiorrhiza trichocarpus</i> Blume*	Xà căn trái có lông	Hp	
51	<i>Oxyceros bispinosus</i> (Griff.) Tirveng.	Găng hai gai	Mi	
52	<i>Oxyceros horridus</i> Lour.	Găng gai cong	Mi	T
53	<i>Paederia lanuginosa</i> Wall.*	Mơ lông	Lp	T
54	<i>Pavetta cambodiensis</i> Bremek.	Dọt sành cam bột	Mi	
55	<i>Pavetta condorensis</i> Bremek.	Dọt sành côn sơn	Mi	
56	<i>Pavetta melanochroa</i> Bremek.*	Dọt sành đen	Mi	
57	<i>Psychotria adenophylla</i> Wall.	Lấu tuyến	Mi	T
58	<i>Psychotria asiatica</i> L.*	Lấu đỏ	Mi	T
59	<i>Psychotria cephalophora</i> Merr.	Lấu mang đầu	Mi	
60	<i>Psychotria condorensis</i> Pierre ex Pit.	Lấu côn sơn	Mi	

STT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống	Công dụng
61	<i>Psychotria morindoides</i> Hutch.	Lầu nhàu	Mi	T
62	<i>Psychotria ovoidea</i> Wall. ex Hook.f.	Lầu	Mi	
63	<i>Psychotria sarmentosa</i> var. <i>membranacea</i> (Pit.) P.H.Ho	Lầu leo lá mỏng	Lp	
64	<i>Psychotria serpens</i> L.	Lầu bò	Lp	T
65	<i>Psydrax dicoccos</i> Gaertn.*	Xương cá	Me	BT
66	<i>Rothmannia eucodon</i> (K.Schum.) Bremek.	Găng cao	Me	
67	<i>Saprosma ternatum</i> (Wall.) Hook.f.*	Hoại hương ba lá	Mi	
68	<i>Scyphiphora hydrophylacea</i> C.F.Gaertn.	Côi	Mi	T
69	<i>Tarenna annamensis</i> Pit.	Trên Trung bộ	Mi	
70	<i>Tarenna capitata</i> Pit.	Trên đầu	Mi	
71	<i>Tarenna disperma</i> (Hook.f.) Pit.	Trên hai hột	Me	
72	<i>Uncaria acida</i> (Hunter) Roxb.	Vuốt chua, Câu đặng	Lp	T
73	<i>Wendlandia paniculata</i> (Roxb.) DC.	Huân lang chùm tụ tán, Hoắc quang	Me	T

Ghi chú: Mg: cây chồi trên to, Me: cây chồi trên vừa, Mi: cây chồi trên nhỏ, Hp: cây thân thảo, Lp: dây leo; T: làm thuốc, G: cho gỗ, BT: có giá trị bảo tồn; Dấu *: các loài được cập nhật danh pháp theo The Plant List và WCSP.

Theo số liệu từ bảng 1 cho thấy, nếu so với các họ khác ở VQG thì thành phần loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) khá đa dạng và phong phú, với 73 loài thuộc 33 chi. Trong đó, chi Lầu (*Psychotria*) có số lượng loài nhiều nhất với 8 loài, chiếm 11,0% tổng số loài trong họ Cà phê ở VQG, kế đến là chi Trang (*Ixora*) có 6 loài, chiếm 8,2%; tiếp theo là chi Xứ hương (*Lasianthus*) và chi An điền (*Oldenlandia*), mỗi chi có 5 loài, chiếm 6,8%; chi Găng (*Benkara*) và chi Nhàu (*Morinda*), mỗi chi có 4 loài, chiếm 5,5%; và cuối cùng là các chi Dành dành (*Gardenia*), Bướm bạc (*Mussaenda*), Dọt sành (*Pavetta*) và Trên (*Tarenna*), mỗi chi có 3 loài, chiếm 4,1%. Các chi còn lại có số lượng từ 1 đến 2 loài.

3.2. Đa dạng về dạng sống

Theo cách phân chia dạng sống của Raunkiaer (1934), Phạm Hoàng Hộ (2000), Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên, 2005) và Nguyễn Nghĩa Thìn (2001, 2007) thì các loài trong họ Cà phê (Rubiaceae) ở VQG Côn Đảo được chia làm 5 nhóm, bao gồm: cây chồi trên to (Mg), cây chồi trên vừa (Me), cây chồi trên nhỏ (Mi), cây

thân thảo (Hp) và dây leo (Lp) (bảng 1). Trong đó, nhóm cây chồi trên nhỏ (Mi) có số lượng loài nhiều nhất với 46 loài, chiếm 63,0% tổng số loài trong họ Cà phê ở VQG. Nhóm này gặp ở dưới tán của kiểu rừng kín thường xanh và rừng nửa rụng lá, một số ít gặp ven rừng, các trảng hay rải rác ở rừng ngập mặn; tiếp đến là nhóm cây chồi trên vừa (Me) có 10 loài, chiếm 13,7% tổng số loài, nhóm này thường tham gia hình thành tầng rừng của kiểu rừng kín thường xanh và rừng nửa rụng lá; nhóm cây thân thảo (Hp) cũng có 10 loài, chiếm 13,7%, nhóm này thường gặp ở bìa rừng, bãi đất trống và các trảng cây bụi; tiếp theo là nhóm Dây leo (Lp) có 4 loài gồm Mơ lông (*Paederia lanuginosa*), Lầu leo lá mỏng (*Psychotria sarmentosa* var. *membranacea*), Lầu bò (*Psychotria serpens*) và Vuốt chua (*Uncaria acida*), chiếm 5,5%, nhóm này thường leo quấn lên cây gỗ lớn hoặc mọc trườn ở dưới tán rừng thường xanh và ven bìa rừng; và sau cùng là cây chồi trên to (Mg) có 3 loài là Gáo tròn (*Haldina cordifolia*), Gáo vàng (*Nauclea orientalis*) và Gáo trắng (*Neolamarckia cadamba*), chiếm 4,1%. Nhóm này tuy ít loài nhưng đóng vai trò rất quan

trọng, tham gia hình thành các kiểu rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới ở VQG. Như vậy, nhóm cây chồi trên nhỏ (Mi) chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số các dạng sống hiện có của họ Cà phê tại khu vực nghiên cứu, chúng đã góp phần tạo nên tính đa dạng sinh học trong họ Cà phê cũng như góp phần làm phong phú thêm hệ thực vật của Vườn quốc gia Côn Đảo.

3.3. Đa dạng về giá trị tài nguyên thực vật

Giá trị làm thuốc chữa bệnh: Từ kết quả thống kê bảng 1 cho thấy, có 30 loài chiếm 41,0% tổng số loài trong họ Cà phê có giá trị làm thuốc ở VQG. Việc sử dụng các bộ phận của cây thuốc rất linh hoạt, có khi từng bộ phận riêng lẻ như rễ, thân, lá, hoặc có khi kết hợp các bộ phận lại với nhau, hoặc sử dụng toàn cây để chữa các bệnh thông thường ở địa phương như giải nhiệt, cảm, sốt, lở loét, mẩn ngứa, đau răng hay nhiều bệnh khác. Các loài được sử dụng phổ biến như Dành dành (*Gardenia jasminoides*), Lâm bông (*Guettarda speciosa*), Xú hương (*Lasianthus attenuatus*), Nhàu (*Morinda citrifolia*), Nhàu lá nhỏ (*Morinda parvifolia*), Bướm bạc cam bột (*Mussaenda cambodiana*), An điền lan (*Oldenlandia diffusa*), Mơ lông (*Paederia*

lanuginosa), Lầu đò (*Psychotria asiatica*), Lầu bò (*Psychotria serpens*) và Vuốt chua (*Uncaria acida*).

Giá trị cho gỗ: Trong số 73 loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) tại VQG Côn Đảo, có 4 loài có giá trị cho gỗ, bao gồm: Đai khoai (*Aidia oxydonta*), Gáo tròn (*Haldina cordifolia*), Gáo vàng (*Nauclea orientalis*) và Gáo trắng (*Neolamarckia cadamba*). Gỗ của các loài này được sử dụng trong xây dựng, đóng các đồ dùng gia đình thông thường, đóng tàu thuyền hay làm đồ mỹ nghệ hoặc lấy củi.

Giá trị về nguồn gen quý hiếm: Kết quả từ bảng 1 cũng đã xác định được 2 loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) phân bố tại VQG Côn Đảo có giá trị bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam (2007) và xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp (VU), bao gồm: Chim trích (*Benkara depauperata*) và Xương cá (*Psydrax dicoccos*). Trong đó, loài Chim trích (*Benkara depauperata*) có vùng phân bố hẹp, nơi cư trú bị chia cắt, tái sinh chậm, cây thường xuyên bị khai thác để lấy củi nên quần thể suy giảm nghiêm trọng; còn loài Xương cá (*Psydrax dicoccos*) có vùng phân bố hẹp và bị chia cắt, thường bị khai thác lấy gỗ làm đồ mỹ nghệ, làm đũa, vỏ cây cũng bị khai thác để làm thuốc.



Hình 1. Chim trích (*Benkara depauperata*)



Hình 2. Xương cá (*Psydrax dicoccos*)

3.4. Đặc điểm phân bố của họ Cà phê ở VQG Côn Đảo

Phân bố theo đai cao: Do có dạng sống đa dạng kèm theo yếu tố tự nhiên như khí hậu, địa hình và thổ nhưỡng nên các loài thuộc họ Rubiaceae phân bố rộng trong tự nhiên, trải dài ở các độ cao từ 2 - 577 m so với mặt nước biển. Các loài trong chi Trang (*Ixora*), Găng (*Benkara*), Lầu (*Psychotria*), Trèn (*Tarenna*) và Xú hương (*Lasianthus*) có đai phân bố rộng từ độ cao 100 - 500 m. Tuy nhiên, một số loài chỉ phân bố hẹp ở một độ cao nhất định, cụ thể như loài Côi (*Scyphiphora hydrophylacea*) chỉ phân bố ở đai thấp khoảng 2 - 20 m so với mặt nước biển, loài Lầu bò (*Psychotria serpens*) và Lầu leo lá mỏng (*Psychotria sarmentosa* Var. *membranacea*) phân bố chủ yếu ở độ cao từ 500 - 577 m vùng Núi Chúa và Núi Thánh Giá.

Phân bố theo sinh cảnh: Theo Nguyễn Chí Thành và đồng tác giả (2004), VQG Côn Đảo có 4 kiểu hệ sinh thái rừng, bao gồm: rừng trên vùng đồi núi thấp, rừng trên đồi cát và bãi cát ven biển, rừng ngập mặn, và rừng ngập nước phèn. Từ kết nghiên cứu cho thấy, các loài thuộc họ Cà phê phân bố chủ yếu ở kiểu rừng trên vùng núi thấp, với 52 loài, chiếm 71,2% tổng số loài trong họ Cà phê ở VQG; kể đến là

rừng trên đồi cát và bãi cát ven biển với 18 loài, chiếm 24,7%; rừng ngập nước phèn với 5 loài, chiếm 6,8%; và ít nhất là rừng ngập mặn chỉ ghi nhận có 1 loài (Côi - *Scyphiphora hydrophylacea*), chiếm 1% tổng số loài trong họ Cà phê ở khu vực nghiên cứu.

3.5. Thảo luận

Trong số các loài đã thống kê theo Nguyễn Chí Thành và đồng tác giả năm 2004 và được cập nhật bởi Lê Xuân Ái và Trần Đình Huệ năm 2013, khi tiến hành xác định tên khoa học các loài theo Phạm Hoàng Hộ (2000), Nguyễn Tiến Bản (2005) và cập nhật danh pháp theo The Plant List (2022) và World Checklist of Selected Plant Families (2022), một số loài có tên trước đây đã chuyển thành tên đồng danh hoặc đã chuyển qua chi mới, vì điều này nên một số tên không còn phù hợp với hiện tại. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã cập nhật và chỉnh lý tên khoa học của 33 loài trong họ Cà phê (Rubiaceae) theo các nghiên cứu mới nhất đã công bố (bảng 1).

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 6 loài bổ sung thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) cho hệ thực vật của Vườn quốc gia Côn Đảo, bao gồm: Chim trích (*Benkara depauperata*), Găng biên

hòa (*Benkara hoaensis*), Găng (*Benkara scandens*), Lấu bò (*Psychotria serpens*), Xú hương lam (*Lasianthus hirsutus*) và An điền lan (*Oldenlandia diffusa*), các loài bổ sung này

được thể hiện ở các hình 1 và hình 3 - 7. Kết quả này góp phần tạo nên sự đa dạng trong họ Cà phê nói riêng và hệ thực vật nói chung ở VQG Côn đảo.



Hình 3. Găng biên hòa (*Benkara hoaensis*)



Hình 4. Găng (*Benkara scandens*)



Hình 5. Lấu bò (*Psychotria serpens*)



Hình 6. Xú hương lam (*Lasianthus hirsutus*)



Hình 7. An điền lan (*Oldenlandia diffusa*)

IV. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được họ Cà phê (Rubiaceae) ở VQG Côn Đảo có 73 loài thuộc 33 chi. Trong đó, có 6 loài bổ sung hệ thực vật VQG Côn Đảo.

Dạng sống của các loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) được chia thành 5 nhóm: cây chồi trên nhỏ (Mi) với 46 loài; cây chồi trên vừa (Me) với 10 loài; cây thân thảo (Hp) với 10 loài, dây leo (Lp) và cây chồi trên to (Mg) với lần lượt là 4 và 3 loài.

Đã ghi nhận giá trị tài nguyên của họ Cà phê ở VQG với 4 loài cho gỗ, 30 loài làm thuốc. Đặc biệt là đã xác định được 2 loài (có 1 loài bổ sung mới là Chim trích - *Benkara depauperata*) có giá trị bảo tồn ở cấp độ Sẽ nguy cấp (VU) theo Sách đỏ Việt Nam (2007).

Các loài thuộc họ Cà phê (Rubiaceae) phân bố rộng trong tự nhiên, trải dài ở các độ cao từ 2 - 577 m so với mặt nước biển ở các kiểu rừng khác nhau. Trong đó, kiểu rừng trên vùng núi thấp có nhiều loài nhất (52 loài) và ít nhất là kiểu rừng ngập mặn (1 loài).

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc VQG Côn Đảo đã giúp đỡ và tạo điều kiện để nhóm nghiên cứu được đến và làm việc tại VQG Côn Đảo. Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài có mã số: VAST04.03/22-23 thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Ái, Trần Đình Huệ, 2013. Bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học cho sự phát triển bền vững Côn Đảo. Báo cáo Hội nghị Toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần 5: 353 - 359.
2. Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên), 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
4. Chen T., Zhu H., Chen J., Taylor C.M., Ehrendorfer F., Lantz H., Funston A.M. & Puff C., 2011. Rubiaceae. In: Wu Z.Y., Raven P.H. & Hong D.Y. (eds.), Flora of China 19. Science Press and Missouri Botanical Garden, Beijing and St. Louis, pp. 1 - 312.
5. Võ Văn Chi, 2012, Từ điển Cây thuốc Việt Nam, tập 1 và 2. NXB Y học, Hà Nội.
6. Christian Puff, Kongganda Chyamarit and V. Chamchumroon, 2005. Rubiaceae of Thai Lan. White Lotus Press: Banglamung, Thailand.
7. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB Trẻ.
8. Đỗ Tất Lợi, 2004. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. NXB Y học, Hà Nội.
9. Raunkiaer C., 1934. Plant life form, Clarendon. Oxford. Pp. 104.
10. Nguyễn Chí Thành, Trần Hợp, Lê Xuân Cảnh, Nguyễn Ngọc Kiêng, Lê Xuân Ái, Nguyễn Đức Ngán, 2004. Tài nguyên động, thực vật rừng VQG Côn Đảo. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thị Hạnh, Ngô Trúc Nhã, 2001. Thực vật học dân tộc: Cây thuốc của đồng bào Thái Con Cuông, Nghệ An. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
12. Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. The Plant List, 2022. A working list of all plant species. <http://www.worldfloraonline.org/>
14. World Checklist of Selected Plant Families (WCSP), 2022. Royal Botanic Gardens KEW. <https://wcsp.science.kew.org/>.

Email tác giả liên hệ: dvsonitb@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/07/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/07/2022

Ngày duyệt đăng: 02/08/2022